

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ HT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ HT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HT TRADING ANH INTERNATIONAL TECHNOLOGY COMPANY LIMIDTED

Tên công ty viết tắt: HT INTER CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109126882

**3. Ngày thành lập:** 16/03/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 8/11/112/10 Đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966237259

Fax:

Email: [thanhctyht@gmail.com](mailto:thanhctyht@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1811        |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1812        |
| 3.  | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3240        |
| 4.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3312        |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3313        |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651(Chính) |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - bán buôn máy máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; - Bán buôn máy móc, thiết bị nghe nhìn, thiết bị quang học, thiết bị báo động. | 4659        |
| 9.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử; Bán lẻ trong siêu thị; trung tâm thương mại.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4719        |
| 10. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4741        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4761 |
| 12. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4762 |
| 13. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4763 |
| 14. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4764 |
| 15. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học, camera giám sát và thiết bị chính xác; - Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức.                                                                                                                                                                                                                          | 4773 |
| 16. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: - Bán lẻ sách, báo, truyện, tạp chí; - Bán lẻ trò chơi và đồ chơi; - Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng; - Bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh.                                                                                                                                                                                          | 4789 |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi.                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4931 |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng. Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô.                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4932 |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4933 |
| 20. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5210 |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt<br>Chi tiết: Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ; - Hoạt động của các bến, bãi đỗ xe ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, kinh doanh bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy; - Lai dắt, cứu hộ đường bộ. | 5221 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.                                                                                    | 5229 |
| 23. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5820 |
| 24. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: - Dịch vụ viễn thông cơ bản: + Dịch vụ kết nối internet; - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; - Kinh doanh hàng hóa viễn thông; - Dịch vụ ứng dụng viễn thông; - Đại lý dịch vụ viễn thông; - Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến.                                                                                                                                          | 6190 |
| 25. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6201 |
| 26. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6202 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.                                                                                                                                                                                              | 6209 |
| 28. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310 |
| 29. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Thiết kế đồ họa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410 |
| 30. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Tư vấn về công nghệ; - Dịch vụ chuyển giao công nghệ.                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7490 |
| 31. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7710 |
| 32. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); - Cho thuê thiết bị phát thanh truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn, thiết bị đo lường và điều khiển. | 7730 |
| 33. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8020 |
| 34. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: - Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận tổ chức; - Tổ chức và điều hành các sự kiện như họp, hội nghị.                                                                                                                                                   | 8230 |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Dịch vụ nhận ủy thác xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa; - Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                                                                                                                                                                           | 8299 |
| 36. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9511 |
| 37. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9512 |
| 38. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9522 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ BÍCH LIÊN | Thôn Xuân Thành, Xã Ninh Vân, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                 | 3.000.000.000         | 60,000    | 164156939                                                                                                                                         |         |
| 2   | CAO VĂN THANH      | Thôn Lập Phương, Xã Khai Thái, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | 2.000.000.000         | 40,000    | 111954086                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ BÍCH LIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: 26/09/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 164156939

Ngày cấp: 31/10/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Ninh Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Xuân Thành, Xã Ninh Vân, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Xuân Thành, Xã Ninh Vân, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội